

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ IV - NĂM 2015

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm	
			Quý IV/2015	Quý IV/2014	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5	5	7
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		212.573.809.946	251.617.529.598	1.204.129.450.346	1.053.356.744.818
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(190.085.112.869)	(218.805.336.719)	(1.104.314.360.000)	(901.160.040.844)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.012.485.694)	(12.800.527.630)	(60.115.164.887)	(53.149.341.375)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0	0	(37.866.667)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.458.096.342)	(2.521.573.157)	(12.240.591.726)	(10.629.551.079)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.358.613.331	7.326.678.722	29.891.617.137	36.535.242.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.807.243.720)	(7.794.597.030)	(38.275.614.240)	(36.988.164.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.569.484.652	17.022.173.784	19.075.336.630	87.927.022.552
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(486.955.902)	(45.454.545)	(2.821.722.561)	(7.788.216.222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.525.000.000	0	25.528.000.000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(25.000.000.000)	(55.200.000.000)	(38.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.200.000.000	0	59.400.000.000	23.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.600.000)	(53.279.800)	(21.600.000)	(65.375.343)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	288.733.800	9.120.380	911.982.351
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.110.886.880	788.680.365	5.523.241.285	2.394.078.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		63.327.330.978	(24.021.320.180)	32.417.039.104	(20.047.530.241)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0	0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0	0	(2.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.643.750.000)	(2.512.045.000)	(8.001.080.000)	(11.140.214.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.643.750.000)	(2.512.045.000)	(8.001.080.000)	(13.140.214.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		68.253.065.630	(9.511.191.396)	43.491.295.734	54.739.277.561
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		71.962.600.154	106.235.561.446	96.724.370.050	41.985.092.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		140.215.665.784	96.724.370.050	140.215.665.784	96.724.370.050

Người lập biểu

TRẦN THỊ NGỌC GIÊNG

Kế toán trưởng

VÔ THỊ KIM NGÂN

